

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 46/2017/HS-ST

Ngày: 06/9/2017

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H - TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Vũ Văn Ái.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đỗ Việt Hùng;

Ông Hoàn Tiến Triền.

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Văn Sinh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện H.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Nam Định tham gia phiên toà: Bà Cao Thị Diệu - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Nam Định, xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 40/2017/HS-ST ngày 03 tháng 8 năm 2017 và Quyết định xét xử số 42/2017/HSST-QĐ ngày 24 tháng 8 năm 2017 đối với bị cáo:

1. Vũ Văn Đ, sinh năm 1986; STQ: Xóm T, xã P, huyện H, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Không; văn hoá: Lớp 12/12; con ông Vũ Thanh H (Vũ Viết B), sinh năm 1941, con bà Mai Thị C, sinh năm 1946; anh chị ruột có 4 người, bị can là thứ tư; chưa có vợ, con; tiền án: Ngày 27/8/2014, bị Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội xử phạt 24 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”; tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 18/4/2017 đến ngày 27/4/2017 thì chuyển tạm giam, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Nam Định.

2. Đoàn Văn T, sinh năm 1976; STQ: Xóm P, xã T, huyện X, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Không; văn hoá: Lớp 6/12; tiền án: Ngày 14/01/2014, bị Tòa án nhân dân huyện X xử phạt 25 tháng tù về tội “Tàng trữ, mua bán trái phép chất ma túy”; tiền sự: Không; con ông Đoàn Xuân C, sinh năm 1943, con bà Đinh Thị H, đã chết; anh chị em ruột có 6 người, bị cáo là thứ ba; có vợ là Đinh Thị M, sinh năm 1979; bị cáo có 2 con, lớn 15 tuổi, nhỏ 6 tuổi; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 21 tháng 4 năm 2017 đến ngày 27 tháng 4 năm 2017 thì chuyển tạm giam, hiện đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ công an huyện H, tỉnh Nam Định.

+ Người bị hại:

1. Chị Vũ Thị H, sinh năm 1988;

Địa chỉ: TDP số 2, thị trấn L, huyện N, tỉnh Nam Định.

2. Chị Đỗ Thị T, sinh năm 1981;

Địa chỉ: Xóm 2, xã T, huyện N, tỉnh Nam Định.

3. Ông Vũ Văn H, sinh năm 1959;

Địa chỉ: Xóm 1, xã H, huyện G, tỉnh Nam Định.

4. Anh Nguyễn Văn L, sinh năm 1994;

Địa chỉ: Đội 1, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định.

5. Chị Bùi Thị L, sinh năm 1994;

Địa chỉ: Xóm 12, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định.

+ *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Anh Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1983;

Địa chỉ: Đội 8, xã P, huyện X, tỉnh Nam Định.

+ *Người làm chứng*:

1. Chị Nguyễn Thị K, sinh năm 1981;

Địa chỉ: Xóm P, xã T, huyện X, tỉnh Nam Định.

2. Chị Đinh Thị M, sinh năm 1979;

Địa chỉ: Xóm P, xã T, huyện X, tỉnh Nam Định.

3. Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1955;

Địa chỉ: Đội 8, xã P, huyện X, tỉnh Nam Định.

4. Anh Trịnh Bá T, sinh năm 1986;

Địa chỉ: Xóm Trung, xã T, huyện X, tỉnh Nam Định.

5. Ông Vũ Thanh H, sinh năm 1941;

Địa chỉ: Xóm T, xã P, huyện H, tỉnh Nam Định

(Có mặt các bị cáo; vắng người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do có ý định đi trộm cắp tài sản bán lấy tiền tiêu sài nên từ ngày 27/3/2017 đến ngày 16/4/2017 trên địa bàn các huyện H, N và G tỉnh Nam Định Vũ Văn Đ đã dùng vạm phá khóa tự chế để thực hiện 05 vụ trộm cắp xe mô tô đem đến bán cho Đoàn Văn T cụ thể:

Vụ thứ nhất: Khoảng 12 giờ ngày 27/3/2017, Đ đi xe buýt từ huyện H lên thành phố Nam Định, khi đến tổ dân phố số 2, thị trấn L, huyện N, phát hiện có chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave BKS 18L1 – 126.00 (xe của chị Vũ Thị H) dựng trước ngân hàng Maritime bank không có người trông coi, Đ xuống xe và đi bộ lại gần, dùng vạm phá khóa ổ khóa điện rồi điều khiển đến nhà Trịnh Bá T sinh năm 1986 ở xóm Trung, xã T, huyện X (T là người từng cùng chấp hành án trong trại giam với Đ) nhờ bán xe. T hỏi xe của ai thì Đ nói đó là xe của bố Đ không có nhu cầu sử dụng muốn bán, T đã dẫn Đ đến nhà Đoàn Văn T để bán xe. T kiểm tra thấy ổ khóa điện và khóa cốp xe bị cạy phá nên đã hỏi Đ xe của ai thì Đ nói xe mới trộm cắp được. T biết là xe do Đ trộm cắp mà có nhưng vẫn mua với giá 1.800.000đ. Sau đó Đ và T cho nhau số điện thoại và hẹn nếu Đ có trộm cắp được xe thì cứ mang đến, T sẽ mua với giá từ 1.800.000đ đến 2.000.000đ một chiếc tùy thuộc vào chất lượng xe.

Vụ thứ hai: Khoảng 12 giờ ngày 01/4/2017, Đ đi xe buýt từ thành phố Nam Định về huyện H, khi về đến ngã tư thị trấn L, huyện N thì Đ xuống xe, quan sát thấy trước siêu thị thời trang Thanh Phúc ở tổ dân phố số 2, thị trấn L, huyện N dựng chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Jupiter MX5305 BKS 93T3 – 5305 (xe của chị Đỗ Thị T), chìa khóa vẫn còn cắm ở ổ khóa, Đ lấy chiếc xe mang đến bán T với giá 500.000đ.

Vụ thứ ba: Khoảng 10 giờ ngày 04/4/2017, tại chợ Bể xã Giao Nhân, huyện G, Đ dùng vạm phá khóa ổ điện chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave BKS 18G1 – 226.33 (xe của anh Vũ Văn H) để trộm cắp chiếc xe rồi mang đến bán cho T với giá 2.000.000đ.

Vụ thứ tư: Khoảng 13 giờ ngày 15/4/2017, Đ đi xe buýt từ cầu Thị trấn C lên thị trấn Y, khi đến cổng Bệnh viện đa khoa huyện H, Đ xuống xe rồi đi vào trong nhà giữ xe của bệnh viện, dùng vạm phá khóa cốp xe mô tô nhãn hiệu Hoda Wave BKS 18H1 – 411.17 (xe của anh Nguyễn Văn L), khi mở cốp thấy có 01 vé gửi xe, Đ tiếp tục phá khóa ổ điện, lấy mũ bảo hiểm treo ở xe để đội rồi dắt xe ra cổng trả vé, trả tiền gửi xe sau đó điều khiển sang X bán cho T lấy số tiền 2.000.000đ.

Vụ thứ 5: Khoảng 13 giờ ngày 16/4/2017, Đ dùng vạm phá khóa, phá khóa ổ điện lấy trộm 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave màu đen bạc, BKS 18 H1– 372.82 (xe của chị Bùi Thị Loan) dựng trước cửa hàng Mai Hảo spa ở tổ dân phố số 1, thị trấn Yên Định, H đem bán cho T lấy số tiền 2.000.000đ.

Toàn bộ số tiền bán xe, Đ tiêu xài cá nhân và mua ma túy sử dụng hết. Sau khi mua xe của Đ, T tháo toàn bộ biển số xe rồi đem gửi tại nhà chị Nguyễn Thị Khuyên sinh năm 1981 ở cùng xóm và bảo đó là xe T cầm cố của những người đánh bạc, chị Khuyên tưởng thật nên đồng ý cho T gửi. Đến ngày 12/4/2017 và ngày 15/4/2017, T bán lại cho anh Nguyễn Văn Đ 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, màu trắng đen bạc, 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Jupiter MX không có biển số và nói đó là xe T cầm cố nhưng đã quá hạn, xe có biển số và giấy tờ sẽ giao đầy đủ cho anh Đ sau. Anh Đ tin tưởng nên đã mua hai chiếc xe trên với giá 3.500.000đ.

Đến sáng ngày 18/4/2017, Đ sang nhà T chuộc lại chiếc xe mô tô biển kiểm soát 18H1-411.17 với giá 2.000.000đ và mượn của T số tiền 800.000đ, do không có tiền nên Đ viết giấy biên nhận nợ T số tiền 2.800.000đ. Sau đó, Đ đến cơ quan điều tra Công an huyện H đầu thú khai báo toàn bộ hành vi phạm tội của mình và giao nộp chiếc xe mô tô biển kiểm soát 18 H1- 411.17. Ngày 21/4/2017, cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện H đã ra lệnh bắt, khám xét khẩn cấp đối với Đoàn Văn T và thu giữ toàn bộ tang vật. Ngoài ra Cơ quan điều tra còn thu giữ của Đ 01 điện thoại di động nhãn hiệu Mobel M289, 01 mũ bảo hiểm, 01 áo khoác màu đen, 01 áo sơ mi và mũ lưỡi trai màu xanh, thu giữ của T 01 điện thoại di động nhãn hiệu Qmobile Q111.

Tại bản kết luận định giá số 09/KL - HĐĐG ngày 20/4/2017, số 10/KL - HĐĐG ngày 25/4/2017 của Hội đồng định giá tài sản huyện H; Kết luận định giá số 10,11/HĐ - ĐGTS ngày 04/5/2017 của Hội đồng định giá tài sản huyện N; Kết luận định giá ngày 28/4/2017 của Hội đồng định giá tài sản huyện G kết luận:

- 01 xe máy nhãn hiệu Honda Wave màu trắng đen bạc, BKS 18 H1- 411.17 giá trên thị T là 16.000.000đ (mười sáu triệu đồng); 01 xe máy hiệu Honda Wave màu đen bạc, BKS 18H1-372.82 là 13.000.000đ (mười ba triệu đồng).

- 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Jupiter, BKS 93T3- 5305 có giá trên thị T là 4.200.000đ (bốn triệu hai trăm nghìn đồng); 01 xe mô tô BKS 18L1-126.00 có giá là 9.910.000đ (chín triệu chín trăm mười nghìn đồng).

- 01 xe mô tô Honda Wave BKS 18G1- 226.33 có giá trên thị T là 12.000.000đ (mười hai triệu đồng).

Tổng giá trị 05 chiếc xe trên là 55.110.000đ

Cáo trạng số 42/CT-VKS ngày 02 tháng 8 năm 2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Nam Định truy tố Vũ Văn Đ về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm e khoản 2 Điều 138 Bộ luật Hình sự; Đoàn Văn T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự và tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” theo khoản 1 Điều 250 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

- * Các bị cáo thành khẩn khai nhận đã thực hiện hành vi như nội dung vụ án đã nêu trên.

- * Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo Vũ Văn Đ về tội “Trộm cắp tài sản”; Đoàn Văn T về tội “Trộm cắp tài sản” và tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 138, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Vũ Văn Đ từ 30 đến 36 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 18/4/2017.

- Áp dụng khoản 1 Điều 138, điểm p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 1999; khoản 3 Điều 7; điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật

Hình sự năm 2015; Nghị quyết 109/2015/QH13 ngày 27/11/2015; Nghị quyết 144/2016/QH13 ngày 29/6/2016 của Quốc hội, xử phạt bị cáo Đoàn Văn T từ 18 đến 21 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Áp dụng khoản 1 Điều 250; điểm p khoản 1, Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự năm 1999; khoản 3 Điều 7; điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015; Nghị quyết 109/2015/QH13 ngày 27/11/2015; Nghị quyết 144/2016/HQ13 ngày 29/6/2016 của Quốc hội, xử phạt Đoàn Văn T từ 9 đến 12 tháng tù về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có". Áp dụng Điều 50 Bộ luật Hình sự năm 1999 tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo T phải chấp hành hình phạt chung của 02 tội từ 27 tháng đến 33 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 21/4/2017.

- Về xử lý vật chứng:

+ Tịch thu sung quỹ nhà nước số tiền 8.300.000đ do Đ phạm tội mà có; tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Mobel M289, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Qmobile Q111, là phương tiện các bị cáo dùng liên lạc để thực hiện hành vi phạm tội.

+ Buộc bị cáo Đoàn Văn T phải nộp lại số tiền 3.500.000đ, do T bán xe cho anh Đức mà có để sung quỹ Nhà nước.

+ Tịch thu tiêu hủy 01 chiếc áo khoác; 01 chiếc áo sơ mi; 01 chiếc mũ phớt là trang phục bị cáo Đ mặc khi thực hiện hành vi phạm tội.

- Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

* Các bị cáo nói lời sau cùng: Các bị cáo ăn năn, hối cải và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, để các bị cáo có cơ hội trở thành công dân có ích cho gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện H, Cơ quan điều tra Công an huyện N, Cơ quan điều tra Công an huyện G, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện H, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng đã được thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về Lời khai nhận tội của các bị cáo Vũ Văn Đ, Đoàn Văn T tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, lời khai những người bị hại và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, thể hiện: Do có ý định chiếm đoạt tài sản nên từ ngày 27/3/2017 đến ngày 16/4/2017 trên địa bàn các huyện H, N và G - tỉnh Nam Định, Vũ Văn Đ đã dùng vạm phá khóa tự chế để thực hiện 05 vụ trộm cắp xe mô tô của những người bị hại là chị Hương, chị T, anh

H, anh L và chị Loan với tổng trị giá là 55.110.000đ, đem bán lấy 8.300.000đ tiêu sai cá nhân hết. Do đó, hành vi nêu trên của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm e khoản 2 Điều 138 Bộ luật Hình sự. Đoàn Văn T biết chiếc xe mô tô Honda Wave BKS 18L1-126.00 trị giá 9.910.000đ do Đ trộm cắp mà có nhưng vẫn mua, ngoài ra T còn hứa hẹn trước nếu Đ trộm cắp được xe thì sẽ mua và T, Đ đã thực hiện được 04 vụ với tổng trị giá tài sản là 45.200.000đ. Do đó hành vi của T đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” được quy định tại khoản 1 Điều 250 Bộ luật Hình sự và tội “Trộm cắp tài sản” được quy định tại khoản 1 điều 138 bộ luật Hình sự. Như vậy Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu đã truy tố đối với các bị cáo là có căn cứ.

[3] Về tính chất của vụ án: Đây là vụ án đồng phạm nhưng giản đơn, hành vi phạm tội mà các bị cáo đã thực hiện là nguy hiểm cho xã hội. Hành vi đó đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an xã hội, gây bất bình trong nhân dân. Khi thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo nhận thức được rõ hành vi phạm tội của mình.

[4] Về vị trí vai trò của các bị cáo trong vụ án:

- Đối với tội trộm cắp tài sản: Vũ Văn Đ là người trực tiếp đi trộm cắp tài sản nên giữ vai trò số 01; Đoàn Văn T là người giúp sức nên giữ vai trò số 02.

- Đối với tội tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có: Đoàn Văn T giữ vai trò độc lập.

[5] Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo đều là người có nhân thân xấu và có tiền án;

- Bị cáo Đ 05 lần thực hiện hành vi trộm cắp mà mỗi lần tài sản đều có giá trị trên 2.000.000đ và có một tiền án về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Vì vậy bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng là “phạm tội nhiều lần” và “tái phạm” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự.

- Bị cáo T đối với tội trộm cắp tài sản bị cáo cùng bị cáo Đ thực hiện 04 lần trộm cắp tài sản mà mỗi lần tài sản đều có giá trị trên 2.000.000đ và bị cáo đã có một tiền án về tội “Tàng trữ, mua bán trái phép chất ma túy”. Vì vậy bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng là “phạm tội nhiều lần” và “tái phạm” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự; đối với tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng là “tái phạm” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự.

- Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa hôm nay các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Vũ Văn Đ sau khi thực hiện hành vi trộm cắp tài sản và bị phát hiện, bị cáo đã tự nguyện đến Cơ quan Công an để đầu thú; quá trình điều tra bị cáo đã tác động gia đình nộp lại số tiền 8.300.000đ mà bị cáo đã chiếm hưởng bất hợp pháp; bố đẻ bị cáo được chủ tịch UBND tỉnh Nam Định tặng Bằng khen vì có công với cách mạng nên xét thấy cần cho bị cáo

hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Đoàn Văn T có bố đẻ được Hội đồng nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến Hạng ba, đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp khoản 3 Điều 7 Bộ luật Hình sự 2015; Nghị quyết 109/2015/QH13 ngày 27/11/2015; Nghị quyết 144/2016/QH13 ngày 29/6/2016 của Quốc hội, cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015. Tuy nhiên tại thời điểm xét xử, Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 về việc thi hành Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 12/2017/QH14 đã có hiệu lực và Nghị quyết 109/2015/QH13 ngày 27/11/2015; Nghị quyết 144/2016/QH13 ngày 29/6/2016 của Quốc hội đã hết hiệu lực. Do đó Hội đồng xét xử xét thấy chỉ có thể cho bị cáo Đoàn Văn T được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự.

[6] Với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo đã được phân tích ở trên, xét thấy các bị cáo có nhân thân xấu, đã có tiền án nhưng các bị cáo ko lấy đó làm bài học để tu dưỡng bản thân mà lại tiếp tục phạm tội. Do đó cần áp dụng hình phạt tù, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định để cải tạo các bị cáo trở thành công dân có ích cho gia đình và xã hội. Bị cáo Đoàn Văn T cùng Vũ Văn Đ thực hiện 04 vụ trộm cắp với tổng số tiền 45.200.000đ. Vì vậy trong tội “Trộm cắp tài sản” cần áp dụng mức hình phạt cao hơn mức cao nhất mà đại diện Viện kiểm sát đã đề nghị mới tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo và đủ tính răn đe, cải tạo bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Toàn bộ tài sản mà các bị cáo đã chiếm đoạt, quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã thu hồi xe trả lại cho những người bị hại. Sau khi nhận lại tài sản những người bị hại không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường, khắc phục hậu quả nên HĐXX không xem xét giải quyết. Số tiền 800.000đ bị cáo T cho bị cáo Đ mượn, quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo T không yêu cầu Đ phải trả nên HĐXX cũng không xem xét giải quyết.

[8] Hình phạt bổ sung: Các bị cáo hiện không có nghề nghiệp, việc làm ổn định lên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo bị cáo.

[9] Về xử lý vật chứng của vụ án:

- Bị cáo Đ bán 05 chiếc xe cho T lấy số tiền 8.300.000đ tiêu sài cá nhân và mua ma túy sử dụng hết. Quá trình điều tra gia đình bị cáo đã nộp lại số tiền này. Xét đây là số tiền do bị cáo phạm tội mà có nên cần tịch thu sung quỹ nhà nước.

- Bị cáo T bán 02 chiếc xe cho anh Đức lấy số tiền 3.500.000đ và đã tiêu sài cá nhân hết. Quá trình điều tra anh Đức đã giao nộp xe và không yêu cầu T phải bồi thường số tiền này vì vậy cần buộc bị cáo T nộp lại số tiền này để sung quỹ Nhà nước.

- Chiếc điện thoại di động Mobel M289 của bị cáo Đ và chiếc điện thoại di động Qmobile Q111 của bị cáo T, các bị cáo sử dụng liên lạc để thực hiện hành vi phạm tội nên cần tịch thu sung quỹ nhà nước.

- Qua trình điều tra cơ quan Công an đã thu giữ của bị cáo Đ 01 chiếc áo khoác; 01 chiếc áo sơ mi; 01 chiếc mũ phớt là trang phục bị cáo mặc khi thực hiện hành vi phạm tội. Xét đây là tang vật của vụ án và không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

[10] Về án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Vũ Văn Đ phạm tội “Trộm cắp tài sản”; bị cáo Đoàn Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản” và tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”;

- Áp dụng điểm e khoản 2 Điều 138, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Vũ Văn Đ 36 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 18/4/2017.

- Áp dụng khoản 1 Điều 138, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Đoàn Văn T 24 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Áp dụng khoản 1 Điều 250; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự, xử phạt Đoàn Văn T 9 tháng tù về tội "Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có". Áp dụng Điều 50 Bộ luật hình sự tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo T phải chấp hành hình phạt chung của 02 tội là 33 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 21/4/2017.

2. Hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

3. Xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 41 Bộ luật Hình sự; Điều 76 Bộ luật tố tụng Hình sự:

+ Tịch thu sung quỹ nhà nước số tiền 8.300.000đ; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Mobel M289, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Qmobile Q111.

+ Tịch thu tiêu hủy 01 chiếc áo khoác; 01 chiếc áo sơ mi; 01 chiếc mũ phớt.

(Những vật chứng trên được mô tả theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 14/8/2017 giữa Cơ quan CSĐT Công an Huyện H và Chi cục thi hành án dân sự huyện H và biên lai thu tiền số 07380 của Chi cục thi hành án dân sự huyện H);

+ Buộc bị cáo T phải nộp lại số tiền 3.500.000đ để sung quỹ Nhà nước.

4. Án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, buộc bị cáo Vũ Văn Đ và Đoàn Văn T mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Trong T hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì bị cáo có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hạn thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nam Định (1 bản);
- VKSND tỉnh+huyện (2bản);
- Công an huyện H (1 bản);
- Thi hành án phạt tù (2 bản);
- Chi cục thi hành án dân sự (1 bản);
- UBND xã T (1 bản);
- UBND xã P (1 bản);
- Bị cáo (01 bản);
- Lưu hồ sơ + VP (2 bản).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Vũ Văn Ái